

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN VĂN BÓN

2. Ngày tháng năm sinh: 02/07/1976 ; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 75/56/13 Lý Thánh Tông, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 180/20A Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: (028) 39633864; Điện thoại di động: 0972056093; E-mail: nv.bon@ufm.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- 07/2001 – 10/2002: Thiết kế viên, Công ty Cảo Kỹ
- 08/2003 – 07/2004: Nghiên cứu viên, Phân viện cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- 09/2007 – 01/2008: Giảng dạy và nghiên cứu, Giảng viên, Trường Đại học Công nghiệp TPHCM
- 02/2008 – 12/2010: Giảng dạy và nghiên cứu, Giảng viên, Trường Đại học Công nghệ TPHCM
- 2011 – 2013: Học cao học tại Trường Đại học Kinh tế TPHCM
- 2014 – 2017: Học chương trình đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế TPHCM
- 01/2017 – 07/2017: Giảng dạy và nghiên cứu, Giảng viên, Cơ sở II Trường Đại học Ngoại thương tại TPHCM
- 09/2017 – 11/2020: Giảng dạy và nghiên cứu, Giảng viên, Trường Đại học Sài Gòn
- 12/2020 – hiện nay: Giảng dạy và nghiên cứu, Giảng viên, Trường Đại học Tài chính Marketing

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Tài chính

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Tài chính - Marketing

Địa chỉ cơ quan: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (028) 38726789

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 21 tháng 04 năm 2000, ngành: Cơ khí, chuyên ngành: Cơ khí hàng không

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa TPHCM, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 02 năm 2014, ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế TPHCM, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 01 tháng 09 năm 2017, ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế TPHCM, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Kinh tế học tài chính
- Hướng nghiên cứu 2: Tài chính công

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn và nhận bằng ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 35 bài báo khoa học, trong đó 22 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| STT | Hình thức khen thưởng | Năm | Quyết định |
|-----|----------------------------|------|--------------|
| 3 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở | 2018 | 1756/QĐ-ĐHSG |
| 4 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở | 2021 | 239/QĐ-ĐHTCM |
| 5 | Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở | 2022 | 105/QĐ-ĐHTCM |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Ứng viên xin tự đánh giá đạt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của một nhà giáo như sau:

(i) Về phẩm chất, tư tưởng:

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có bản lĩnh chính trị, luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà Nước;
- Luôn chấp hành, nghiêm túc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, cũng như các quy định quy chế tại nơi cư trú, nơi làm việc;
- Sống và làm việc nghiêm túc, gương mẫu, có trách nhiệm, hòa đồng cùng đồng nghiệp, thân thiện, nhiệt huyết với sinh viên;
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, đồng thời tôn trọng, đối xử công bằng, lắng nghe, và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của giảng viên, các quy định của Điều lệ, quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường.

(ii) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

Ứng viên đã được đào tạo chính quy các cấp, cụ thể:

- Tốt nghiệp kỹ sư tại Trường Đại học Bách Khoa TPHCM

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Hoàn thành chương trình cao học và tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế TP HCM
- Hoàn thành các chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, tin học, và tiếng Anh theo quy định
- Giảng dạy các học phần của chuyên môn cho các chương trình đào tạo đại học và cao học

(iii) Về nghiên cứu khoa học:

Bên cạnh việc giảng dạy thì ứng viên cũng nhận thấy việc nghiên cứu khoa học có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đơn vị công tác và đất nước

- Chủ trì và tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và cấp Bộ
- Hướng dẫn sinh viên tham gia sinh viên nghiên cứu cấp trường
- Tham gia cùng xây dựng cộng đồng nghiên cứu khoa học tại Việt Nam cũng như trên thế giới qua các hình thức phản biện và công bố các bài báo khoa học. Cụ thể:
 - Phản biện cho các tạp chí như Singapore Economic Review, Journal of Economic Studies, International Tax and Public Finance, Cogent Economics and Finance, Eastern Journal of European Studies, Journal of Behavioral and Experimental Finance, Journal of Economics Finance and Administrative Science, Southeast Asian Journal of Economics, Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt.
 - Phản biện cho bản thảo của Giáo sư Vernon L. Smith, Đại học Chapman University (Giáo sư đoạt giải Nobel Kinh tế năm 2002) gửi duyệt đăng trên Tạp chí Journal of Behavioral and Experimental Finance.
 - Công bố bài báo trên các tạp chí quốc tế uy tín như Annals of Public and Cooperative Economics, Hacienda Pública Española/Review of Public Economics, Hitotsubashi Journal of Economics, Scientific Annals of Economics and Business, The Journal of International Trade & Economic Development, Singapore Economic Review, Journal of Economic Studies, Journal of Economics Finance and Administrative Science,...

(iv) Về sức khỏe

Ứng viên tự nhận thấy, bản thân có đủ sức khỏe để hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, cũng như nhiệm vụ do Nhà trường phân công.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 5 năm 8 tháng tham gia đào tạo, giảng dạy tại các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp | | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|----|-------------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|------------------------------------|-----|---|
| | | Chính | Phụ | | | ĐH | SDH | |
| 1 | 2007 - 2008 | | | | | 350 | | 350/650/270 |
| 2 | 2008 - 2009 | | | | 2 | 400 | | 400/720/270 |
| 3 | 2009 - 2010 | | | | 2 | 350 | | 350/620/270 |
| 4 | 2017 - 2018 | | | 2 | 2 | 360 | | 360/915/270 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|-----------------|----------------------|--|--|---|----|-----|----|-----------------|
| 5 | 2018 - 2019 | | | 2 | 2 | 270 | 45 | 315/956/270 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 6 | 2019 - 2020 | | | 2 | 7 | 585 | 45 | 630/1,601.5/270 |
| 7 | 2020 - 2021 | | | | 24 | 563 | 45 | 608/639.5/270 |
| 8 | 2021 - 2022 | | | | 8 | 315 | 90 | 405/450/270 |
| 9 | 2022 - 2023 (HK1) | | | | | 90 | 45 | 135/157.5/270 |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh ngữ

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Anh ngữ

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Tài chính - Marketing, Việt Nam

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 6.5

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|---|-----------|-------------------------------------|-------------------------------------|-----|---|---------------------------|--|
| | | NCS | HVCH/C K2/BSNT | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Bùi Thị Minh Thu | | <input checked="" type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | | 2018 - 2019 | Trường Đại học Sài Gòn | 25/1/2021 |
| 2 | Lương Thị Nhu Ngọc | | <input checked="" type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | | 2018 - 2019 | Trường Đại học Sài Gòn | 30/9/2020 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|---|----------------------|--|-------------------------------------|-------------------------------------|--|-------------|------------------------|-----------|
| 3 | Chiêm Ngọc Đức | | <input checked="" type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | | 2019 - 2020 | Trường Đại học Sài Gòn | 30/9/2020 |
| 4 | Nguyễn Thị Kim Quyên | | <input checked="" type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> | | 2019 - 2020 | Trường Đại học Sài Gòn | 25/1/2021 |

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----|---------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------|----------|---|--|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|----|--|-----------|-------------------------------|---------------------|---|----------------------------------|-------------------------|
| I | Trước khi được công nhận TS/PGS | | | | | | |
| 1 | Tác động của nợ công lên lạm phát ở các nền kinh tế đang phát triển của Châu Á | Chủ nhiệm | Trường Đại học Kinh tế TP HCM | 2015 | 2015 | 2 | |
| 2 | Tác động của thể chế lên thu hút nguồn vốn FDI ở các tỉnh/thành của Việt Nam | Chủ nhiệm | Trường Đại học Kinh tế TP HCM | 2016 | 2016 | 1 | |

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|-----------|---|-----------|---|---------------------|---|----------------------------------|-------------------------------------|
| 3 | Inflation and the public investment-growth relationship in Vietnam | Chủ nhiệm | Trường Đại học Kinh tế TP HCM | 2016 | 2016 | 2 | |
| 4 | Chính sách tài khóa và kiểm soát ô nhiễm từ khí thải CO2: Nghiên cứu trường hợp các nước đang phát triển | Thư ký | Trường Đại học Kinh tế TP HCM | 2016 | 2016 | 2 | |
| 5 | Determinants of stock market development: The case of developing countries and Vietnam | Thư ký | Trường Đại học Kinh tế TP HCM | 2017 | 2017 | 1 | |
| 6 | Tác động của thể chế, chi tiêu công, đầu tư tư nhân đến tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh/thành của Việt Nam | Thư ký | Trường Đại học Kinh tế TP HCM | 2017 | 2017 | 2 | |
| II | Sau khi được công nhận TS/PGS | | | | | | |
| 7 | Vai trò của dòng vốn FDI trong mối quan hệ giữa phân cấp tài khóa và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam | Chủ nhiệm | Trường Đại học Sài Gòn Mã số: CS2018-49 | 2018/2019 | 7/9/2019 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|----|---|-----------|---|---------------------|---|----------------------------------|-------------------------------------|
| 8 | Môi trường quản trị công và mối quan hệ giữa đầu tư công – đầu tư tư nhân | Chủ nhiệm | Trường Đại học Sài Gòn Mã số: CS2019-53 | 2019/2020 | 2/11/2020 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 9 | Tác động của chỉ tiêu công lên tăng trưởng kinh tế ở khu vực Đông Nam Bộ | Chủ nhiệm | Trường Đại học Tài chính Marketing Mã số: CS-07-21 | 2021/2021 | 5/8/2021 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 10 | Tác động của dòng vốn FDI lên thất nghiệp ở các quốc gia đang phát triển Châu Á: vai trò của số hóa | Chủ nhiệm | Trường Đại học Tài chính Marketing Mã số: CS-26-22 | 2022/2022 | 30/6/2022 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|--|---|------------|-------------------------------------|---|---|--|----------------|--------------------|----------------------------------|-------------------------|
| I Trước khi được công nhận TS/PGS | | | | | | | | | | |
| 1 | Current Account and Fiscal Deficits: Evidence of Twin Divergence from Selected Developing | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Southeast Asian Journal of Economics | | 25 | 2(2), 33-48 | 10/2014 | 2 | |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|----|---|------------|-------------------------------------|--|---|--|----------------|--------------------|----------------------------------|-------------------------|
| | Economies of Asia | | | | | | | | | |
| 2 | Effects of fiscal deficit and money M2 supply on inflation: Evidence from selected economies of Asia | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Journal of Economics, Finance & Administrative Science | Scopus Q1 | 116 | 20(38), 49 –53 | 2/2015 | 2 | |
| 3 | Effects of Public Debt on Inflation in Developing Economies of Asia: An Empirical Evidence Based on Panel Differenced GMM Regression and PMG Estimation | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | The Empirical Economics Letters | | 12 | 14(4), 102-116 | 2015 | 2 | |
| 4 | Các nhân tố quyết định dòng vốn FDI ở các nước Châu Á | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ | | 2 | 31, 124-131 | 6/2014 | 1 | |
| 5 | Effects of Institutional Quality on FDI in Provinces of Vietnam: Empirical Evidence Based on Differenced Panel GMM | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Journal of Economic Development | | 20 | 22(3), 26-45 | 2015 | 1 | |
| 6 | Chính sách tài khóa và kiểm soát ô nhiễm từ khí thải CO2: Nghiên | 2 | | Tạp chí Phát triển Kinh tế | | | 27(12), 7-24 | 2016 | 2 | |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|-----------|---|------------|-------------------------------------|---|---|--|-------------------|--------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| | cứu trường hợp các nước đang phát triển | | | | | | | | | |
| 7 | Determinants of stock market development: The case of developing countries and Vietnam | 3 | | Journal of Economic Development | | 12 | 24(1), 32-53 | 2017 | 1 | |
| II | Sau khi được công nhận TS/PGS | | | | | | | | | |
| 8 | Inflation and the public investment-growth relationship in Vietnam | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Journal of Asian Business and Economic Studies | Asean Citation Index (ACI) | 4 | 25(S01), 50-67 | 01/2018 | 2 | |
| 9 | The role of institutional quality in the relationship between FDI and economic growth in Vietnam: Empirical evidence from provincial data | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | The Singapore Economic Review | ISI (IF = 1.184) | 20 | 64(03), 601 - 623 | 2019 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 10 | Tác động của rủi ro tín dụng lên hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam: bằng chứng thực nghiệm | 2 | | Tạp chí Khoa học Kinh tế (Trường Đại Học Kinh Tế - Đại Học Đà Nẵng) | | | 8(03), 70-78 | 2020 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|----|---|------------|-------------------------------------|--|---|--|----------------|--------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 11 | The effect of FDI on private investment in the Southeast region of Vietnam | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Dalat University Journal of Science | | 1 | 10(4), 32-42 | 2020 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 12 | Governance environment and the public investment – private investment relationship | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Southeast Asian Journal of Economics | Scopus Q4 | | 8(1), 139-171 | 04/2020 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 13 | FDI and stock market development in developing countries: The role of governance environment | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Chiang Mai University Journal of Economics | Asean Citation Index (ACI) | 2 | 24(2), 17-37 | 12/2020 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 14 | Does FDI inflow crowd in private investment? Empirical evidence for the Southeast region of Vietnam from the panel quantile regression approach | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | HCMCOUJS- Economics and Business Administration | Asean Citation Index (ACI) | | 11(2), 127-136 | 2021 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 15 | Tác động của quản trị công lên đầu tư công ở các quốc gia đang phát triển: Bằng chứng thực nghiệm | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Kinh Tế và Quản Trị Kinh Doanh | | | 16(1), 137-147 | 2021 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|----|---|------------|-------------------------------------|--|---|--|------------------|--------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 16 | Tác động của chỉ tiêu công lên tăng trưởng kinh tế Đông Nam Bộ: Bằng chứng thực nghiệm | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Kinh Tế và Quản Trị Kinh Doanh | | | 16(2), 117-125 | 2021 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 17 | The relationship between FDI inflows and private investment in Vietnam: Does institutional environment matter? | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | International Journal of Finance & Economics | ISI (IF = 3.070) | 3 | 26(1), 1151-1162 | 01/2021 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 18 | FDI Inflows – Domestic Investment Relationship in Developing Countries: Does the Governance Environment Matter? | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Southeast Asian Journal of Economics | Scopus Q4 | | 9(1), 47-68 | 03/2021 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 19 | The difference in the FDI–private investment relationship between developed and developing countries: does it stem from governance environment? | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Journal of Economic Studies | Scopus Q1 | 2 | 48(4), 741-760 | 04/2021 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|----|--|------------|-------------------------------------|--|---|--|-------------------|--------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 20 | The Relationship Between FDI and Income Inequality: Does Governance Environment Matter? | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Applied Economics Journal | ESCI- ISI, Asean Citation Index (ACI) | 1 | 28(1), 63 -77 | 04/2021 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 21 | Tác động của dòng vốn FDI lên đầu tư tư nhân ở khu vực Đông Nam Bộ: Bằng chứng thực nghiệm | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Kinh tế tỉnh Bình Dương trong bối cảnh đại dịch Covid-19: Cơ hội và thách thức | Hội thảo trong nước | | | 10/2021 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 22 | Tác động của đầu tư công lên đầu tư tư nhân ở khu vực Đông Nam Bộ: Bằng chứng thực nghiệm | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Kinh tế tỉnh Bình Dương trong bối cảnh đại dịch Covid-19: Cơ hội và thách thức | Hội thảo trong nước | | | 10/2021 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 23 | The difference in the FDI inflows– Income inequality relationship between developed and developing countries | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | The Journal of International Trade & Economic Development | ISI (IF = 1.833) | 9 | 30(8), 1123- 1137 | 11/2021 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 24 | The difference in the FDI – CO ₂ emissions relationship between developed and developing countries: Empirical | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Hitotsubashi Journal of Economics | ISI (IF = 0.65) | 6 | 62(2), 124-140 | 12/2021 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|----|--|------------|-------------------------------------|--|---|--|------------------|--------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| | evidence based on institutional perspective | | | | | | | | | |
| 25 | The Digitalization – Economic Growth Relationship in Developing Countries and the Role of Governance | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Scientific Annals of Economics and Business | Scopus Q3 | 3 | 68(4), 481-493 | 12/2021 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 26 | The Effect of Government Debt on Private Investment in Advanced Economies: Does Institutional Quality Matter? | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Scientific Annals of Economics and Business | Scopus Q3 | | 69(1), 133–144 | 03/2022 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 27 | Does governance matter for the public debt–inflation relationship in developed countries? Panel quantile regression approach | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Annals of Public and Cooperative Economics | ISI (IF = 1.679) | | 93(4), 1153-1173 | 12/2022 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 28 | Tác động của dịch Covid-19 lên thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) ở Việt Nam: Bằng chứng thực nghiệm | 6 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Kinh tế và Quản trị Kinh doanh | | | 17(5), 140-149 | 7/2022 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|----|--|------------|-------------------------------------|---|---|--|-------------------|--------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 29 | The effect of FDI inflows on unemployment in Asian developing economies and the role of digitalization | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Southeast Asian Journal of Economics | Scopus Q4 | | 10(2), 59-94 | 7/2022 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 30 | The crowding-out effect of public debt on private investment in developing economies and the role of institutional quality | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Seoul Journal of Economics | Scopus Q3 | | 35(4), 403-424 | 11/2022 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 31 | Does Digitalization Widen Income Inequality? A Comparative Assessment for Advanced and Developing Economies | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | South East European Journal of Economics and Business | Scopus Q2 | | 17(2), 154-171 | 12/2022 | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 32 | Counter-cyclical Fiscal Policy in Developed Countries: Does Governance Hinder? | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Prague Economic Papers | ISI (IF = 0.797) | | 31(6), 482-508 | 12/2022 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 33 | The Effect of Public Debt on Income Inequality in Advanced Economies: Does | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Ekonomický časopis | ISI (IF = 0.797) | | 70(9-10), 723-742 | 12/2022 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HDGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HDGS nhà nước

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố | Thuộc hướng nghiên cứu thứ | 3 năm cuối (từ 07/2020) |
|----|---|------------|-------------------------------------|--|---|--|----------------|--------------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| | Institutional Quality Matter? | | | | | | | | | |
| 34 | The Relationship between Public Expenditure and Private Investment in Developed and Developing Economies: Policy Implications Based on the Difference | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Hacienda Pública Española/Review of Public Economics | ISI (IF = 0.452) | | 244(1), 37-55 | 2023 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 35 | From Fiscal policy to Income inequality in Advanced economies: Does Institutional quality hinder? | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Romanian Journal of Economic Forecasting | ISI (IF = 0.963) | | 26(1), 165-184 | 2023 | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: ứng viên là tác giả chính của 22 công trình đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín, sau khi được cấp bằng TS, với số thứ tự lần lượt là: 8, 9, 11, 12, 13, 14, 17, 18, 19, 20, 23, 24, 25, 26, 27, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35.

7.1.b Thống kê bài báo uy tín TRƯỚC và SAU TS/ PGS vào bảng dưới đây

| Số thứ tự theo mẫu 01 | Số tác giả | Là tác giả chính (đánh dấu X) | Tạp chí, tập/số (vol./issue) | Tháng/năm công bố/công nhận | Link của bài báo or DOI |
|--|------------|-------------------------------|--|-----------------------------|---|
| Trước khi được công nhận TS/PGS | | | | | |
| 1 | 1 | X | Southeast Asian Journal of Economics (p-ISSN: 2286-8984, e-ISSN: 2465-5120), 2(2), 33-48 | 10/2014 | https://so05.tci-thaijo.org/index.php/saje/article/view/48770 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| Số thứ tự theo mẫu 01 | Số tác giả | Là tác giả chính (đánh dấu X) | Tạp chí, tập/số (vol./issue) | Tháng/năm công bố/công nhận | Link của bài báo or DOI |
|--------------------------------------|------------|-------------------------------|--|-----------------------------|---|
| 2 | 1 | X | Journal of Economics, Finance & Administrative Science (ISSN: 2218-0648), 20(38), 49-53 | 2/2015 | https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2077188615000037 |
| 3 | 1 | X | The Empirical Economics Letters (ISSN: 1681-8997), 14(4), 102-116 | 2015 | http://www.eel.my100megs.com/volume-14-number-4.htm |
| 4 | 2 | X | Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ (ISSN: 1859-2333, e-ISSN: 2815-5599), 31, 124-131 | 6/2014 | https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/1436 |
| 5 | 1 | X | Journal of Economic Development (e-ISSN: 2515-964X, p-ISSN 2615-9104), 22(3), 26-45 | 2015 | http://jabes.ueh.edu.vn/Content/ArticleFiles/oldbv_en/2015/Thang%207/2nguyenvanbon.pdf |
| 6 | 2 | | Tạp chí Phát triển Kinh tế (e-ISSN: 2515-964X, p-ISSN 2615-9104), 27(12), 7-24 | 2016 | https://vjol.info.vn/index.php/PTKT/article/view/34332 |
| 7 | 3 | | Journal of Economic Development (e-ISSN: 2515-964X, p-ISSN 2615-9104), 24(1), 32-53 | 2017 | http://jabes.ueh.edu.vn/Content/ArticleFiles/oldbv_en/2017/Thang%201/sudinhtanh.pdf |
| Sau khi được công nhận TS/PGS | | | | | |
| 8 | 1 | X | Journal of Asian Business and Economic Studies (e-ISSN: 2515-964X, p-ISSN 2615-9104), 25(S01), 50-67 | 01/2018 | http://www.jabes.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=50dc4a98-4f5e-6d19-aa91-759dc556d4b2 |
| 9 | 1 | X | The Singapore Economic Review (ISSN: 0217-5908, e-ISSN: 1793-6837), 64(03), 601 - 623 | 2019 | https://www.worldscientific.com/doi/abs/10.1142/S0217590816500223 |
| 10 | 2 | | TẠP CHÍ KHOA HỌC KINH TẾ (TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG) (ISSN: 0866-7969), 8(03), 70-78 | 2020 | https://vjol.info.vn/index.php/du/article/download/52684/43427/ |
| 11 | 1 | X | DALAT UNIVERSITY JOURNAL OF SCIENCE (ISSN: 0866-787X), 10(4), 32-42 | 2020 | https://tckh.dlu.edu.vn/index.php/tckhdhdl/article/view/765 |

| Số thứ tự theo mẫu 01 | Số tác giả | Là tác giả chính (đánh dấu X) | Tạp chí, tập/số (vol./issue) | Tháng/năm công bố/công nhận | Link của bài báo or DOI |
|-----------------------|------------|-------------------------------|---|-----------------------------|---|
| 12 | 1 | X | Southeast Asian Journal of Economics (p-ISSN: 2286-8984, e-ISSN: 2465-5120), 8(1), 139-171 | 04/2020 | https://so05.tci-thaijo.org/index.php/saje/article/view/241881 |
| 13 | 1 | X | Chiang Mai University Journal of Economics (ISSN: 2651-0979), 24(2), 17-37 | 12/2020 | https://so01.tci-thaijo.org/index.php/CMJE/article/view/242766 |
| 14 | 1 | X | HCMCOUJS-Economics and Business Administration (ISSN: 2734-9314, e-ISSN: 2734-9586), 11(2), 127-136 | 2021 | https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-en/article/view/1802 |
| 15 | 2 | X | Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH (ISSN: 2734-9314, e-ISSN: 2734-9586), 16(1), 137-147 | 2021 | https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/558 |
| 16 | 1 | X | Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH (ISSN: 2734-9314, e-ISSN: 2734-9586), 16(2), 117-125 | 2021 | https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/920 |
| 17 | 1 | X | International Journal of Finance & Economics (e-ISSN:1099-1158), 26(1), 1151-1162 | 01/2021 | https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1002/ijfe.1842 |
| 18 | 1 | X | Southeast Asian Journal of Economics (p-ISSN: 2286-8984, e-ISSN: 2465-5120), 9(1), 47-68 | 03/2021 | https://so05.tci-thaijo.org/index.php/saje/article/view/250489 |
| 19 | 1 | X | Journal of Economic Studies (ISSN: 1443585), 48(4), 741-760 | 04/2021 | https://doi.org/10.1108/JES-09-2019-0451 |
| 20 | 1 | X | Applied Economics Journal (p-ISSN: 2586-9124, e-ISSN: 2586-9132), 28(1), 63 -77 | 04/2021 | https://so01.tci-thaijo.org/index.php/AEJ/article/view/242816 |
| 21 | 1 | X | Kinh tế tỉnh Bình Dương trong bối cảnh đại dịch Covid-19: Cơ hội và thách thức | 10/2021 | Hội thảo trong nước |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| Số thứ tự theo mẫu 01 | Số tác giả | Là tác giả chính (đánh dấu X) | Tạp chí, tập/số (vol./issue) | Tháng/năm công bố/công nhận | Link của bài báo or DOI |
|-----------------------|------------|-------------------------------|---|-----------------------------|---|
| 22 | 1 | X | Kinh tế tỉnh Bình Dương trong bối cảnh đại dịch Covid-19: Cơ hội và thách thức | 10/2021 | Hội thảo trong nước |
| 23 | 1 | X | The Journal of International Trade & Economic Development (ISSN: 0963-8199, e-ISSN: 1469-9559), 30(8), 1123-1137 | 11/2021 | https://doi.org/10.1080/09638199.2021.1925331 |
| 24 | 1 | X | Hitotsubashi Journal of Economics (e-ISSN: 0018-280X), 62(2), 124-140 | 12/2021 | https://www.jstor.org/stable/27084655 |
| 25 | 1 | X | Scientific Annals of Economics and Business (ISSN: 2501-1960, e-ISSN: 2501-3165), 68(4), 481-493 | 12/2021 | http://saeb.feaa.uaic.ro/index.php/saeb/article/view/1293 |
| 26 | 1 | X | Scientific Annals of Economics and Business (ISSN: 2501-1960, e-ISSN: 2501-3165), 69(1), 133-144 | 03/2022 | http://saeb.feaa.uaic.ro/index.php/saeb/article/view/1417 |
| 27 | 1 | X | Annals of Public and Cooperative Economics (ISSN: 1370-4788, e-ISSN: 1467-8292), 93(4), 1153-1173 | 12/2022 | https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1111/apce.12367 |
| 28 | 6 | X | Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Kinh tế và Quản trị Kinh doanh (ISSN: 2734-9314, e-ISSN: 2734-9586), 17(5), 140-149 | 7/2022 | https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/2097 |
| 29 | 1 | X | Southeast Asian Journal of Economics (p-ISSN: 2286-8984, e-ISSN: 2465-5120), 10(2), 59-94 | 7/2022 | https://so05.tci-thaijo.org/index.php/saje/article/view/260616 |
| 30 | 1 | X | Seoul Journal of Economics (p-ISSN: 1225-0279), 35(4), 403-424 | 11/2022 | https://doi.org/10.22904/sje.2022.35.4.003 |
| 31 | 1 | X | South East European Journal of Economics and Business (e-ISSN: 2233-1999), 17(2), 154-171 | 12/2022 | https://doi.org/10.2478/jeb-2022-0021 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| Số thứ tự theo mẫu 01 | Số tác giả | Là tác giả chính (đánh dấu X) | Tạp chí, tập/số (vol./issue) | Tháng/năm công bố/công nhận | Link của bài báo or DOI |
|-----------------------|------------|-------------------------------|---|-----------------------------|---|
| 32 | 1 | X | Prague Economic Papers (p-ISSN: 1210-0455, e-ISSN: 2336-730X), 31(6), 482-508 | 12/2022 | https://doi.org/10.18267/j.pep.814 |
| 33 | 1 | X | Ekonomický časopis (p-ISSN: 0013-3035, e-ISSN: 2729-7470), 70(9-10), 723-742 | 12/2022 | https://doi.org/10.31577/ekon.cas.2022.09-10.03 |
| 34 | 1 | X | Hacienda Pública Española/Review of Public Economics (ISSN: 2386-4176, ISSN: 0210-1173) | 2023 | https://dx.doi.org/10.7866/HP-E-RPE.23.1.2 |
| 35 | 1 | X | Romanian Journal of Economic Forecasting (ISSN 1582-6163, e-ISSN: 2537-6071) | 2023 | https://ipe.ro/rjef/rjef1_2023/rjef1_2023p165-184.pdf |

7.1.c. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---------------------------------|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|--|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|---|--------------------------------|--|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): **4 tháng**

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82 /HĐGSNN ngày 18 /5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

-
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
 - + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh , ngày 8 tháng 4 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



NGUYỄN VĂN BÔN